TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HSST.
Ngày: 20/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trần Duy Hinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trí Dũng.

2. Ông Nguyễn Đình Bạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Lan Vi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TL-HSST ngày 19 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thế V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 13 tháng 10 năm 2003, tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Đặng Văn H (sinh năm 1973) và bà Bùi Thị N (sinh năm 1978), cùng trú thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 11/01/2023, bị UBND xã Đ, huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 11/01/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Oanh T, sinh năm 2009, trú tại: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu T: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1984 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1984 cùng địa chỉ: Khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. (cha và mẹ cháu T). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 02/02/2024, Đặng Thế V đi nhờ xe từ nhà tại thôn P, Xã Đ, huyện Đ đến thị trấn Á, huyện Đ để lấy điện thoại gửi sửa trước đó. Sau khi lấy điện thoại, V đi bộ đến khu Công viên Á thuộc khu P, thị trấn Á, huyện Đ, lúc này khoảng 15 giờ cùng ngày, V nhìn thấy trên vỉa hè (góc bên trái) phía trước quán B có một chiếc xe đạp điện màu đen cắm sẵn chìa khóa của em Nguyễn Oanh T (sinh năm 2009, trú khu N, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) không có người trông coi. Thấy vậy, V nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để bán kiếm tiền tiêu xài. V đi đến lấy xe rồi điều khiển chạy theo hướng cầu G về xã D, huyện D để tìm nơi tiêu thụ. Khi đến thôn L, xã D, huyện D, V nhìn thấy cửa hàng mua bán xe điện của ông Nguyễn Ngọc T1 (sinh năm 1979, trú thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam) nên vào trao đổi bán chiếc xe được số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Oanh T trong quán B ra về thì phát hiện mất chiếc xe đạp điện nên đến Công an thị trấn Á để trình báo sự việc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Công an thị trấn Á đến nhà V mời V về trụ sở làm việc. Tại đây, V thừa nhận hành vi phạm tội, số tiền bán xe V đã tiêu xài cá nhân hết 460.000 đồng và tự nguyện giao nộp số tiền 2.540.000 đồng cho cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: xe đạp điện hiệu M133 20AH CB, màu đen có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)..

* Vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe đạp điện hiệu M133 20AH CB, màu đen (đã qua sử dụng);

- Tiền Ngân hàng N1 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các vật chứng trên đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trả cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

* Về dân sự: Bị hại Nguyễn Oanh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Ông T1 chỉ yêu cầu nhận lại số tiền 2.540.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền bị cáo đã tiêu sài cá nhân là là 460.000 đồng.

Tại cáo trạng số 39/CT-VKSĐL ngày 18/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc truy tố bị cáo Đặng Thế V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Thế V về tội "*Trộm cắp tài sản*", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đặng Thế V từ 06 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình. Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết quả định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/02/2024, trước quán B thuộc khu P, thị trấn Á, huyện Đ, Đặng Thế V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 một chiếc xe đạp điện màu đen giá trị là 5.000.000 đồng của em Nguyễn Oanh T làm chủ sở hữu. Hành vi của bị cáo Đặng Thế V đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo hộ. Hành vi của bị cáo V đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo V là người thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.3] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo V có nhân thân xấu, đã từng có hành vi trộm cắp tài sản bị UBND xã Đ xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học, cải tạo bản thân thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của em Nguyễn Oanh T, trong vụ án này sau khi phạm tội bị cáo đã đi khỏi địa phương và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc đã có yêu cầu Cơ quan CSĐT huyện Đ ra quyết định Truy nã đối với bị cáo, việc này thể hiện việc coi thường pháp luật, trốn tránh trách nhiệm của bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe cải tạo đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.540.000đồng để trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T1, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình cho bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên, bị cáo V không có thu nhập ổn định, bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Về phần dân sự:

+ Bị hại Nguyễn Oanh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Tại hồ sơ ông Ô T1 chỉ yêu cầu nhận lại số tiền 2.540.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền bị cáo đã tiêu sài cá nhân là là 460.000 đồng là số tiền mà ông đã mua xe điện bị cáo V trộm cắp của bị hại T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của người liên quan ông Nguyễn Ngọc T1.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) xe đạp điện hiệu M133 20AH CB, màu đen (đã qua sử dụng);

+ Tiền Ngân hàng N1 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các vật chứng trên đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[2.7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.8] Các vấn đề khác có liên quan:

Đối với ông Nguyễn Ngọc T1 đã mua tài sản do Đặng Thế V trộm cắp mà có. Tuy nhiên, T1 không biết chiếc xe điện là do V trộm cắp nên cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thế V phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo: Đặng Thế V 6 (*sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/5/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Thế V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng);*

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Đại Lộc;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Đại Lộc;
- Công an huyện Đại Lộc;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Trần Duy Hinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**